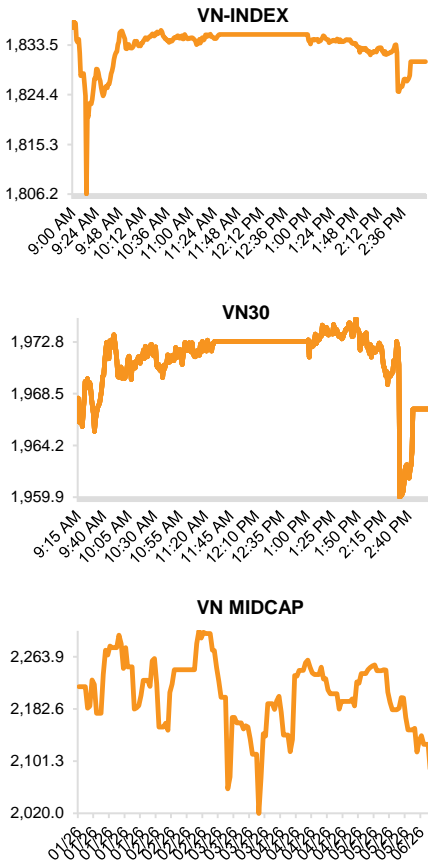


**KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎ +84 2439724568  
✉ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn



**Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ**

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.830,5	336,2	128,2
1 ngày (%)	1,3	1,8	0,9
1 tháng (%)	-5,1	29,7	1,9
Từ 2026	2,6	35,1	6,0
1 năm (%)	35,9	47,3	29,1
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	322	18	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,7	1,0	0,3
Số mã tăng	97	54	111
Số mã giảm	205	78	105
Số mã tham chiếu	101	162	522

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index tăng 1,3%, Bất động sản dẫn dắt đà tăng**

Phiên giao dịch ngày 18/6/2026 ghi nhận sắc xanh lan tỏa thị trường với VN-Index đóng cửa tại 1.830,5 điểm, tăng 24,3 điểm (+1,3%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 90 mã tăng (7 mã tăng trần), 60 mã giảm và 205 mã đứng giá. HNX-Index đóng cửa tại 336,2 điểm (+1,8%).

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.967,2 điểm (+0,5%), với tám mã tăng và ba mã giảm, cho thấy lực cầu có chọn lọc trong nhóm vốn hóa lớn. Chỉ số VN100 tăng 0,7% lên 1.899,7 điểm.

Về diễn biến ngành, có 10 trong 19 nhóm ngành ghi nhận mức tăng. Bất động sản dẫn đầu với mức tăng 5,5%, nổi bật nhờ sự bứt phá của VIC (+7,0%, 1.310,7 tỷ đồng) và VHM (+7,0%, 345,2 tỷ đồng); tiếp theo là Xây dựng & Vật liệu (+1,6%), Dịch vụ tiện ích (+0,5%), Dầu khí (+0,8%), Ô tô & linh kiện phụ tùng (+0,4%), Hóa chất (+0,2%) và Bảo hiểm (+0,03%). Ở chiều ngược lại, Phương tiện truyền thông điều chỉnh 2,3%, theo sau là Du lịch & Giải trí (-1,5%), Dịch vụ tài chính (-1,1%), Viễn thông (-0,9%), Công nghệ (-0,8%), Dịch vụ bán lẻ (-0,6%), Tài nguyên (-0,5%) và Ngân hàng (-0,4%).

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 14,2 nghìn tỷ đồng, giảm 17,2% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 1.884,8 tỷ đồng, trong đó FPT là mã bị bán ròng lớn nhất với 501,1 tỷ đồng, tiếp theo là VHM (181,8 tỷ đồng), TCB (159,3 tỷ đồng), VCB (126,7 tỷ đồng) và VPB (93,2 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, VIC dẫn đầu chiều mua ròng với 73,9 tỷ đồng, cùng PVS (33,5 tỷ đồng), PC1 (33,0 tỷ đồng), MBB (23,1 tỷ đồng) và ACB (22,9 tỷ đồng).

**Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH**

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,4	181,0	3,7	0,6	0,1	-5,4	7,3	29,7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,0	18,6	4,8	-0,3	-2,2	-11,4	5,3	-8,2
Năng lượng	2,5	15,1	1,8	0,6	-18,0	43,9	81,1	8,9
Tài chính	37,4	11,7	1,7	-0,6	-2,4	1,9	22,7	-24,8
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,2	2,4	-0,3	-2,0	-7,5	-2,2	73,6
Công nghiệp	7,0	23,3	3,5	-1,1	-2,6	-7,2	27,2	46,0
Công nghệ thông tin	1,6	12,9	3,0	-1,0	-4,1	-22,8	-26,7	29,6
Vật liệu xây dựng	5,9	16,8	1,7	-0,8	-5,5	9,4	12,5	41,4
Bất động sản	29,8	91,6	7,4	5,9	-7,8	15,0	253,0	21,8
Dịch vụ tiện ích	4,0	14,6	2,3	0,8	-7,3	9,7	15,4	5,8

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Điểm tin**

**Tin vĩ mô thế giới**

- **Toàn cầu:** Mỹ và Iran ký thỏa thuận sơ bộ 14 điểm, chính thức chấm dứt xung đột, mở lại hoạt động lưu thông qua eo biển Hormuz và cam kết quỹ tái thiết trị giá 300 tỷ USD. Diễn biến này góp phần kéo giá dầu Brent giảm xuống 77,4 USD/thùng, mức thấp nhất trong ba tháng.
- **Fed:** Trong cuộc họp FOMC ngày 17/6, Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 3,50%-3,75%, đồng thời nâng dự báo lạm phát PCE năm 2026 lên 3,6% (tháng 3: 2,7%), hạ dự báo tăng trưởng GDP Q2/26 xuống 2,2% (tháng 3: 2,4%). Bên cạnh đó, 9/19 thành viên Fed kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng lãi suất trước cuối năm, phản ánh quan điểm chính sách vẫn thận trọng trước áp lực lạm phát.
- **Mỹ:** Doanh số bán lẻ tháng 5 tăng 0,9% svtt (tháng 4: +0,4%), trong khi doanh số nhà chờ bán tăng 3,8% svtt, mức cao nhất kể từ tháng 9/2024, cho thấy nền kinh tế tiếp tục duy trì khả năng chống chịu tích cực.
- **Nhật Bản:** Chính phủ Nhật Bản khẳng định sẵn sàng can thiệp thị trường ngoại hối khi cần thiết, trong bối cảnh đồng yên giảm xuống gần 160,8 JPY/USD. Diễn biến này xảy ra dù NHTW Nhật Bản vừa nâng lãi suất lên 1,0%, mức cao nhất trong 31 năm, do chênh lệch lãi suất lớn với Mỹ tiếp tục gây áp lực lên đồng yên.

**Tin vĩ mô trong nước**

- Bộ trưởng Tài chính Ngô Văn Tuấn làm việc song phương với Bộ trưởng Bộ Phát triển kinh tế Liên bang Nga Maxim Reshetniko. Hai bên thống nhất đẩy mạnh MOU hợp tác tài chính, đầu tư, thanh toán, du lịch, lao động và cải thiện môi trường đầu tư.
- Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc làm việc với Bộ Công Thương và các bộ ngành về triển khai Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Bộ Tài chính hoàn thiện chính sách nhà ở cho người lao động, phối hợp với nhà ở xã hội/cho thuê, đồng thời gikhầu ethanol xuống 5 % và ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường cho xăng sinh học E10.

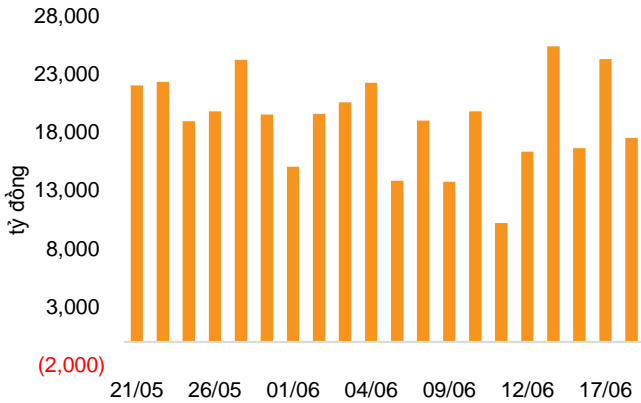
**Tin ngành và doanh nghiệp**

- **VHM:** chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 60% (6.000 đồng/cp) ngày 30/6, dự kiến chi 24.645 tỷ đồng, đồng thời phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 100%.
- **PVS:** LNST 6 tháng đầu năm ước đạt 627 tỷ đồng (+2% svck), hoàn thành 63% kế hoạch năm. PVS chia cổ tức 2025 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%, đồng thời dự kiến đầu tư 32.000 tỷ đồng giai đoạn 2026–2030.
- **VNM:** Vinamilk vào Fortune SEA 500 năm thứ 3 liên tiếp, đại diện duy nhất ngành sữa Việt Nam. Q1/26, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 16.149 tỷ đồng và 2.458 tỷ đồng. Năm 2026, công ty đặt mục tiêu doanh thu 66.477 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 9.828 tỷ đồng.
- **VRE:** Chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp) ngày 1/7, dự kiến chi 2.272 tỷ đồng

**Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần**

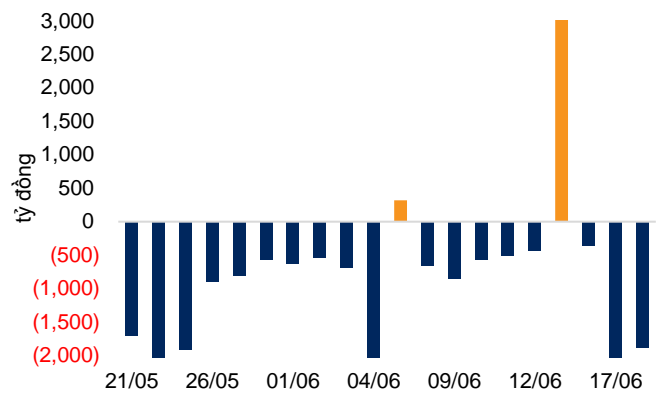
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 16/06/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 6.2026 của Cục Dự Trữ Liên Bang (Fed)
Thứ Năm, 18/06/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 6.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



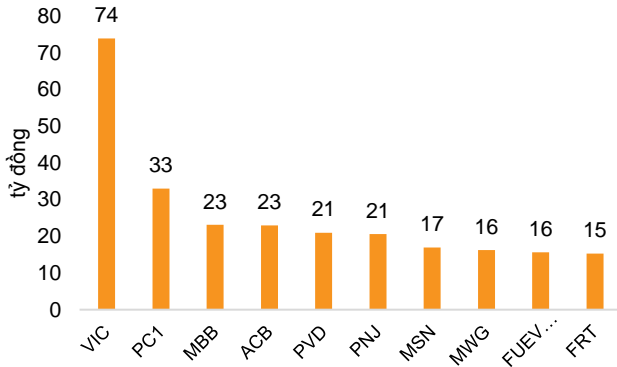
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



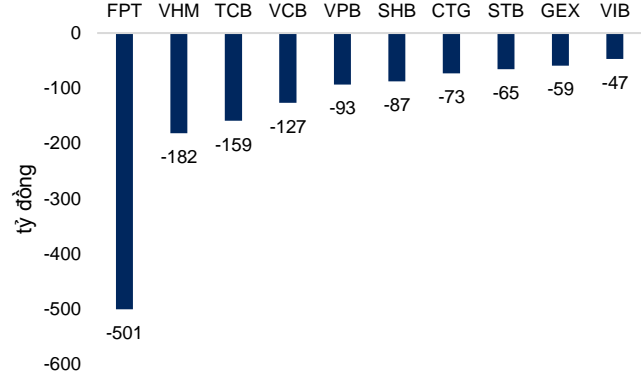
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



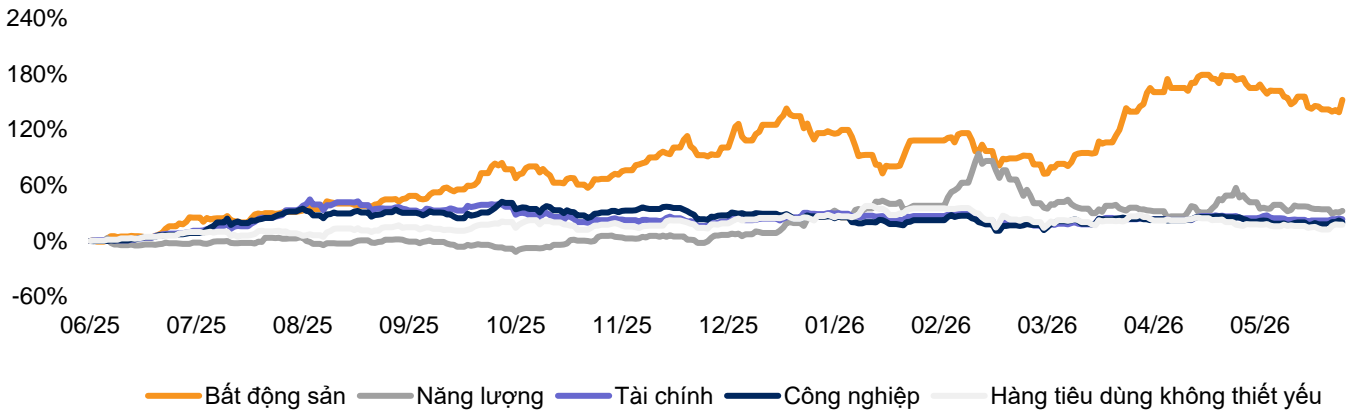
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,4%	3,1%	20,4	1,6	8,0%	2,2%	171.059	1,4%	17.878	0,4%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,5%	-2,7%	24,4	3,3	14,3%	1,2%	11.414	6,5%	-29.857	2,1%	-8,3%
Indonesia	JCI Index	-0,8%	-28,6%	14,4	1,6	12,0%	3,7%	1.042	7,0%	-3.763	-0,3%	-8,0%
Singapore	FSTAS Index	0,6%	11,5%	17,9	1,6	9,3%	4,2%	1.561	1,7%	1.183	-0,9%	-0,4%
Malaysia	FBME Index	0,0%	2,9%	15,6	1,5	9,0%	3,8%	694	3,4%	-552	-3,5%	3,3%
Philippines	PCOMP Index	0,4%	-2,3%	8,0	0,5	6,3%	3,8%	104	5,8%	-205	1,9%	-6,0%
Thái Lan	SET Index	-0,1%	25,8%	12,8	1,5	8,6%	4,2%	1.849	1,6%	838	-0,3%	-0,4%
Việt Nam	<b>VN-Index</b>	<b>1,3%</b>	<b>2,6%</b>	<b>14,8</b>	<b>2,1</b>	<b>15,1%</b>	<b>1,4%</b>	<b>728</b>	<b>4,2%</b>	<b>-2.737</b>	<b>0,1%</b>	<b>-0,9%</b>

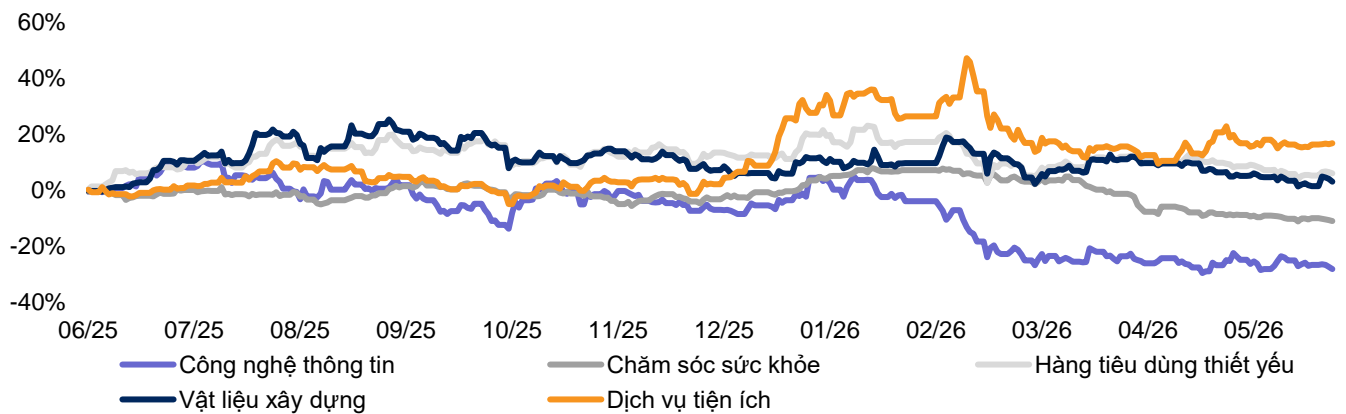
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



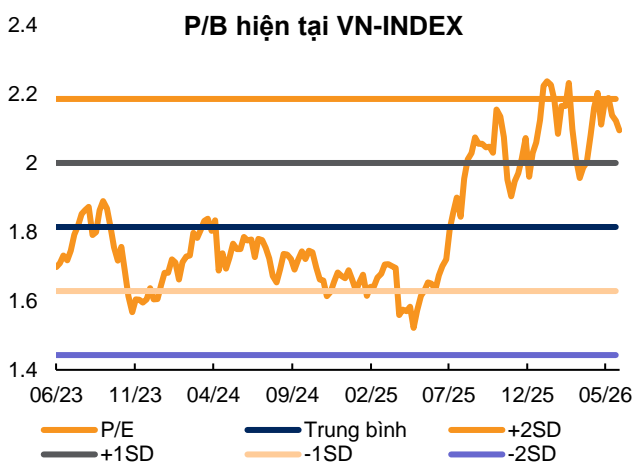
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



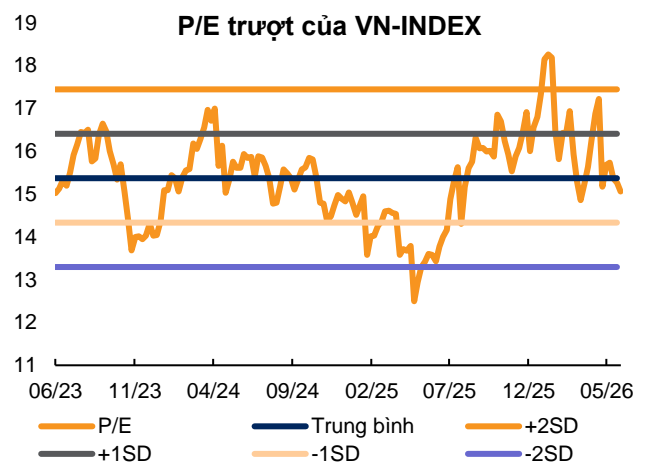
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



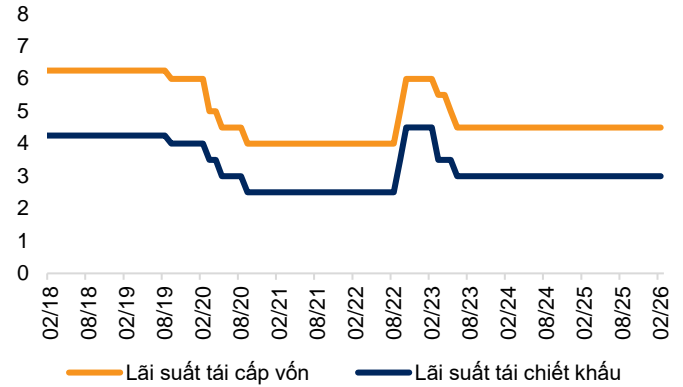
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,18	0,7	3,4	28,5	60,2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	3,80	0,0	-34,3	130,3	61,7
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,72	3,5	18,2	-6,4	97,9
USD/VND	26.322	0,0	0,1	-0,1	-0,9
DXY	100,66	0,6	1,5	2,4	1,8
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,46	-0,7	-2,9	6,9	1,5
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,21	-0,1	2,2	18,9	8,1

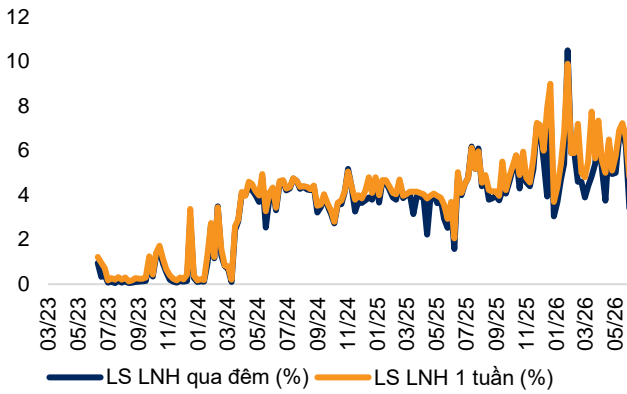
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



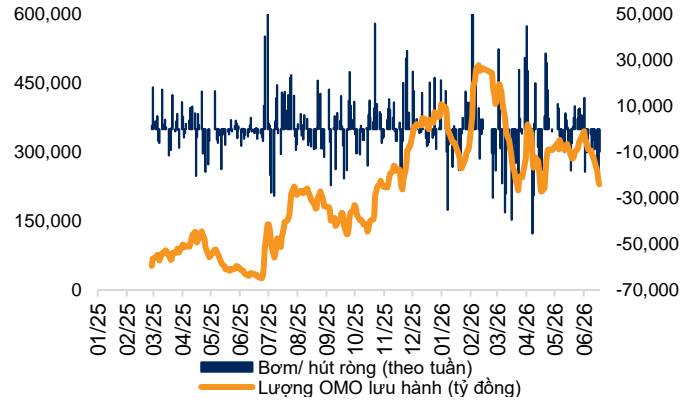
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



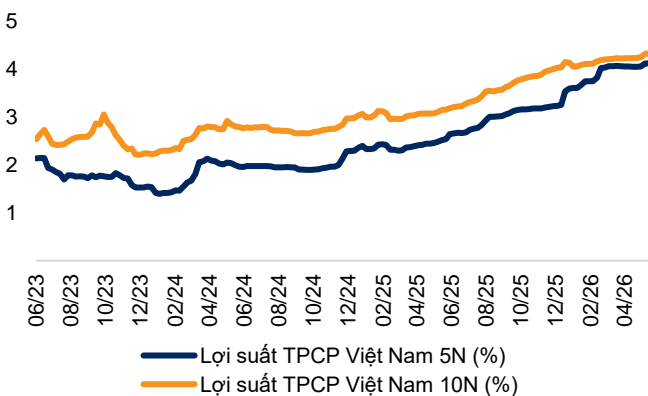
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT RỪNG QUA KÊNH OMO



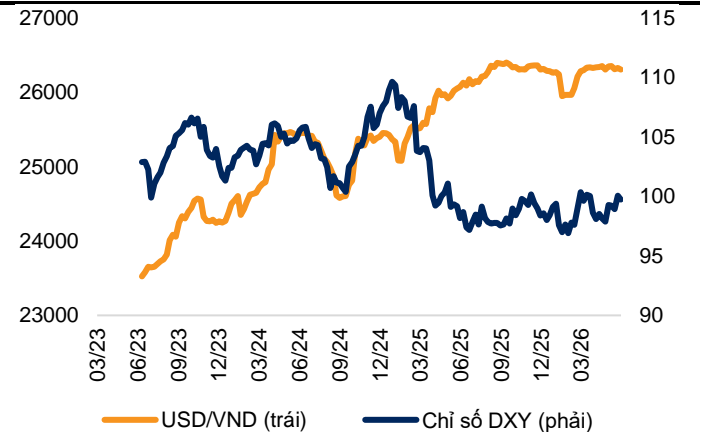
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA**

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-2,9%	-31,4%	-0,7%
Brent Crude	-2,1%	-30,6%	1,5%
JKM LNG	-2,4%	-18,3%	22,3%
Henry Hub LNG	-0,9%	-20,1%	10,0%
NW Thermal Coal	4,8%	12,5%	12,5%
Singapore Platt FO	-2,0%	-24,6%	13,8%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-1,4%	-5,8%	26,7%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-3,2%	-11,1%	85,5%
Bạch kim	-3,7%	-12,7%	31,5%

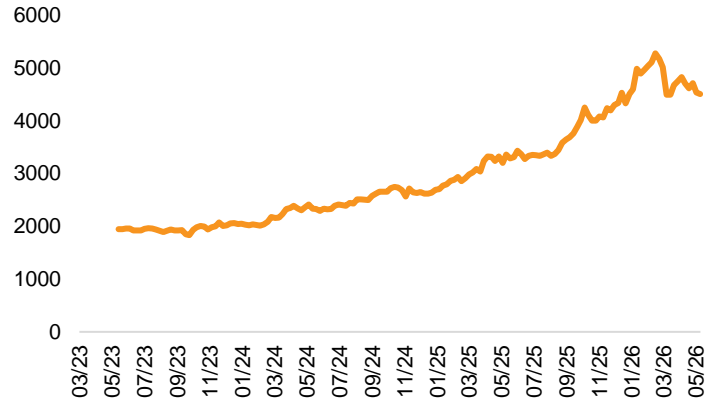
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	3,3%	578,2%
Đồng	-1,5%	2,0%	31,9%
Nhôm	1,1%	-5,7%	34,2%
Niken	0,4%	-2,2%	21,2%
Kẽm	0,5%	0,7%	12,8%
Chì	NA	NA	NA
Thép	-0,1%	-0,9%	-0,9%
Quặng sắt	-1,6%	-9,4%	3,9%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	1,2%	-5,8%	-11,0%
Arabica	1,1%	1,7%	-13,5%
Đường	-0,4%	-6,3%	-13,1%
Cacao	-1,8%	7,4%	-57,9%
Dầu cọ	0,0%	0,7%	NA
Bông	-2,2%	-10,1%	16,0%
Sữa bột	0,4%	-5,3%	-13,9%
Lúa mì	-0,2%	-8,0%	6,4%
Đậu tương	-0,8%	-7,5%	4,4%
Hạt điều	NA	0,0%	-2,6%
Cao su	0,2%	6,8%	39,7%
Urê	-16,4%	-42,1%	12,1%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,2%	-4,2%	-15,2%
Gia súc	0,2%	0,7%	14,5%

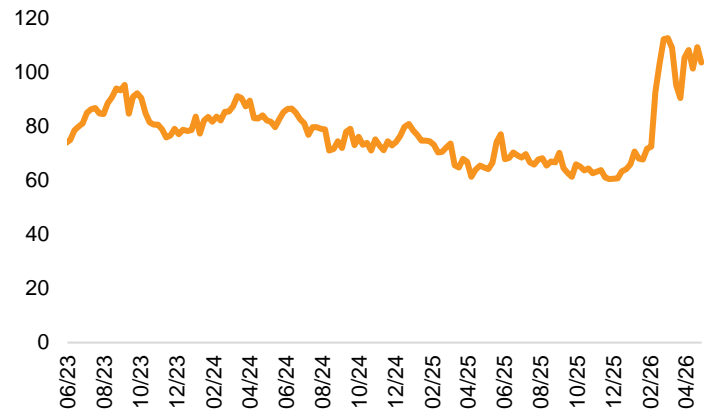
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 16: GIÁ VÀNG**



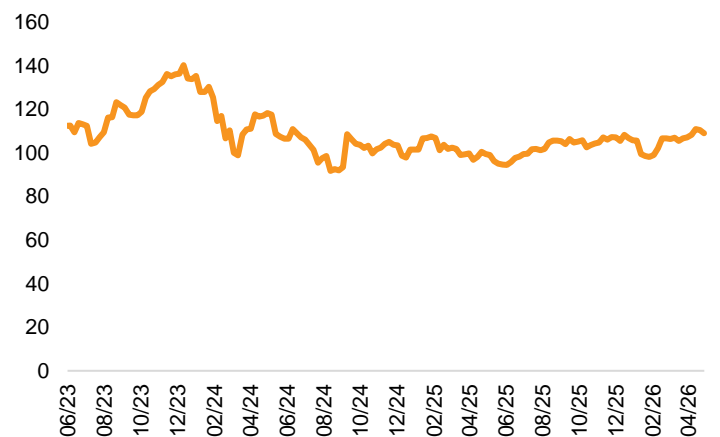
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 17: GIÁ DẦU BRENT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	6.056	1,3	2.860	44.500	73.300	65,9%	1,2%	14,9	2,2	16%
AST	124	0,0	4	72.300	85.400	19,5%	1,4%	11,1	4,7	47%
HVN	2.707	0,7	587	22.900	43.400	92,2%	2,7%	8,4	6,9	
VJC	4.044	7,9	954	138.400	113.600	-17,4%	0,6%	41,4	4,1	11%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	407	2,5	191	35.250	37.200	5,5%		46,6	2,5	5%
DGW	344	2,2	89	41.000	49.600	23,4%	2,4%	14,1	2,5	19%
FRT	841	2,0	149	130.000	150.300	15,9%	0,3%	24,2	5,0	28%
MCH	6.393	1,7		130.000	147.000	14,6%	1,6%	24,5	9,8	42%
MWG	4.390	18,1	1	78.700	96.300	23,6%	1,3%	14,1	3,3	25%
PNJ	1.322	3,5	12	68.000	109.900	62,6%	1,0%	10,0	2,4	28%
QNS	684	0,2	278	49.000	53.400	13,1%	4,1%	8,1	1,4	18%
SAB	2.349	1,3	971	48.200	59.900	30,5%	6,2%	13,2	2,8	21%
VHC	461	1,5	341	57.900	71.300	26,6%	3,5%	8,7	1,3	16%
VNM	4.700	8,0	2.407	59.200	74.800	29,5%	3,1%	13,4	3,8	28%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.940	17,1	270	22.400	31.300	42,5%	2,8%	8,0	1,3	18%
BID	11.824	11,6	1.469	42.750	47.200	11,5%	1,1%	9,7	1,7	18%
CTG	10.018	10,7	511	33.950	49.000	45,2%	0,9%	6,9	1,4	22%
HDB	4.782	11,8	263	25.150	39.500	59,6%	2,6%	6,9	1,6	25%
LPB	5.340	2,5	210	47.050	33.400	-22,6%	6,4%	12,6	2,8	23%
MBB	7.727	14,5	64	25.250	32.900	32,3%	2,0%	7,3	1,4	21%
STB	5.078	16,9	925	70.900	45.700	-34,7%	0,9%	17,4	2,2	8%
TCB	8.399	13,8	41	31.200	40.300	31,4%	2,2%	8,5	1,2	16%
TPB	1.707	5,9	108	16.200	17.800	15,8%	5,9%	6,1	1,0	18%
VCB	19.554	17,0	1.901	61.600	69.300	13,2%	0,7%	14,3	2,2	16%
VIB	2.101	4,3	13	16.250	23.600	50,8%	5,5%	7,3	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	7.957	15,0	462	26.400	37.100	42,4%	1,9%	8,0	1,2	16%
<b>Dệt may</b>										
MSH	148	0,2	63	34.550	40.600	20,4%	2,9%	6,4	1,9	32%
TCM	90	0,8	2	20.200	29.800	49,9%	2,4%	10,3	1,0	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.127	1,0	706	54.100	68.600	28,8%	2,0%	16,7	2,6	16%
GMD	1.257	4,0	96	77.600	72.000	-4,4%	2,8%	18,9	2,4	13%
HAH	348	1,7	67	54.300	55.400	3,4%	1,4%	7,6	2,0	27%
VSC	283	4,2	135	19.900	19.100	-1,5%	2,5%	27,2	1,4	6%
IDC	624	2,9	205	43.300	45.600	8,8%	3,5%	8,8	2,4	31%
KBC	1.089	4,0	445	30.450	30.000	-0,2%	1,2%	18,6	1,1	7%
PHR	335	1,0	122	65.100	68.400	7,1%	2,1%	13,3	2,0	16%
VTP	430	1,5	281	65.500	129.200	98,5%	1,2%	33,1	6,2	19%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	690	6,5	305	47.800	128.300	174,7%	6,3%	7,4	1,2	17%
HPG	7.586	28,6	2.079	23.650	30.000	28,8%	1,9%	9,5	1,4	16%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	5.022	15,3	2.386	26.400	16.700	-35,1%	1,6%	10,1	1,9	21%
GAS	7.499	6,0	3.519	81.800	78.400	-1,7%	2,5%	17,0	2,9	18%
OIL	542	1,9	35	13.800	14.800	9,1%	1,8%	40,2	1,4	3%
PLX	1.883	6,8	108	39.000	47.700	25,4%	3,1%	30,3	2,0	7%
PVD	656	4,9	271	31.050	32.600	13,0%	8,1%	14,7	1,0	7%
PVS	758	6,6	251	39.000	41.800	8,9%	1,7%	10,3	1,3	13%
PVT	392	5,6	140	19.950	23.400	18,3%	1,0%	9,0	1,1	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	612	4,7	279	23.700	22.700	-0,6%	3,6%	14,0	1,4	11%
DCM	739	6,0	297	36.750	40.000	14,3%	5,4%	9,5	1,7	19%
DDV	145	0,7	66	26.200	39.700	58,0%	6,5%	6,1	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	66	0,3	32	21.400	34.100	61,7%	2,3%	314,6	1,4	0%
<b>Điện</b>										
POW	1.655	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	326	2,2	106	21.100	37.400	79,4%	2,2%	12,9	1,3	10%
PC1	332	6,8	135	21.250	26.500	24,7%	0,0%	8,6	1,3	17%
REE	1.195	2,4	0	50.500	76.600	53,4%	1,7%	12,0	1,5	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	638	8,8	155	13.250	18.300	53,2%	15,1%	71,1	1,2	2%
KDH	981	4,1	242	23.000	41.800	83,0%	1,3%	23,0	1,4	6%
NLG	499	2,7	47	27.050	42.200	57,9%	1,8%	20,0	1,0	6%
VHM	22.533	28,9	9.574	144.400	93.600	-31,0%	4,2%	9,2	2,3	28%
VRE	2.598	8,1	949	30.100	32.000	9,6%	3,3%	9,9	1,4	15%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	4.634	28,2	910	71.600	118.200	66,5%	1,4%	12,6	3,1	27%

**MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ****Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

**Chi nhánh Đà Nẵng**

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

**Chi nhánh Vinh – Nghệ An**

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

**Chi nhánh Cần Thơ**

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

**Chi nhánh Quảng Ninh**

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

**Chi nhánh Thanh Hoá**

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

**Chi nhánh Bình Dương**

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

**Chi nhánh Nam Định**

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA